

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ -PT

Ngày: 20/4/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Trang

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Ký

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông La Minh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2023/TLPT-HNGĐ ngày 15/03/2023 về việc “Ly hôn”

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 126/2022/HNGĐ-ST ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2023/QĐ-PT ngày 04/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thùy T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện Q, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ liên hệ: phố 7, ấp 4, xã L, huyện Q, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thế D**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 2, ấp 7, xã C, huyện Q, tỉnh Đồng Nai

(Chị T và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2021, bản tự khai ngày 28/02/2022, nguyên đơn chị Trần Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/01/2017. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh D ngay từ khi về chung sống với nhau đã không có hạnh phúc.

Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng gay gắt vào năm 2022, đến tháng 5/2022 thì chị và anh D đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm yêu thương đối với anh D nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung tên Nguyễn Thế K, sinh ngày 06/5/2018 và Nguyễn Trần Đỗ Q, sinh ngày 12/8/2021. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu Q, chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu K và cháu Q.

- Về tài sản chung: Chị và anh D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/6/2022, bị đơn anh Nguyễn Thế D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thuỳ T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/01/2017. Cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị T vẫn hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì lớn mà chỉ là những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống vợ chồng hàng ngày. Đến tháng 5/2022 thì chị T tự ý bỏ nhà ra đi và sống ly thân với anh từ đó cho đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Thế K, sinh ngày 06/5/2018 và Nguyễn Trần Đỗ Q, sinh ngày 12/8/2021. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và cháu Q, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trước đây anh có yêu cầu chia tài sản chung của anh và chị T nhưng anh đã rút lại yêu cầu về chia tài sản chung vì anh và chị T đã tự thỏa thuận nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 126/2022/HNGĐ-ST ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, Điều 217, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thùy T và anh Nguyễn Thế D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế K, sinh ngày 06/5/2018 và Nguyễn Trần Đỗ Q, sinh ngày 12/8/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thế D tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh D có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị T anh D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế D về việc “Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” do anh D rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/12/2022, anh Nguyễn Thế D có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Nguyễn Thế K, sinh ngày 06/5/2018 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Trần Thùy T và anh Nguyễn Thế D là vợ, chồng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2017 tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Đồng Nai là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị T yêu cầu xin ly hôn, anh D cũng đồng ý. Sau khi Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cả anh D và chị T đều không kháng cáo nên yêu cầu xin ly hôn của chị T đã có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Cả hai anh chị đều thừa nhận quá trình chung sống có 02 người con chung cháu Nguyễn Thế K, sinh ngày 06/5/2018 và Nguyễn Trần Đỗ Q, sinh ngày 12/8/2021. Anh D, chị T đều có nguyện vọng

được nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh D, tuyên giao 02 cháu K và Q cho chị T nuôi dưỡng. Phía anh D kháng cáo yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thế K. Kèm theo đơn kháng cáo, anh D trình bày: Ngày 28/01/2023 chị T đã đem cháu K cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay anh có điều kiện kinh tế ổn định, có nhà riêng và chăm sóc, lo cho cháu K ăn học, nuôi dưỡng tốt (kèm theo đơn xác nhận của Lớp mầm non độc lập Tường Vi và xác nhận của UBND xã C, huyện Q nơi anh D cư trú)

Ngày 30/3/2023, chị Trần Thùy T có bản tự khai nộp cho Tòa án với nội dung chị đồng ý giao cháu Nguyễn Thế K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Xét thấy, việc chị T đồng ý giao cháu K cho anh D nuôi là hoàn toàn tự nguyện và anh D cũng có nguyện vọng được nuôi cháu K nên ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận này, chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thế D.

Các nội dung khác về hôn nhân, tài sản chung, nợ chung: đương sự không kháng cáo nên giữ nguyên bản án sơ thẩm

Từ những phân tích nêu trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015 đề nghị: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thế D về nuôi con chung.

Sửa 01 phần bản án sơ thẩm về con chung và cấp dưỡng theo hướng:

Giao cháu Nguyễn Trần Đỗ Q, sinh ngày 12/8/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Thế K, sinh ngày 06/5/2018 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh D và chị T tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đương sự phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thế D làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Chị Trần Thùy T và anh Nguyễn Thế D đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo: anh Nguyễn Thế D có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Nguyễn Thế

K, sinh ngày 06/5/2018 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Tại cấp phúc thẩm, chị Trần Thuý T cũng đồng ý giao cháu K cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các anh chị đều không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy sự thỏa thuận trên của anh D, chị T là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, cũng không vi phạm pháp luật hay đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo sự thỏa thuận trên của các đương sự.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: anh Nguyễn Thế D phải chịu 300.000đ án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau:

Giao cháu Nguyễn Thế K, sinh ngày 06/5/2018 cho anh Nguyễn Thế D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Trần Đỗ Q, sinh ngày 12/8/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Thế D và chị Trần Thuý T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị T anh D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Nguyễn Thế D phải chịu 300.000đ án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004075 ngày 058/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân H.Định Quán;
- Chi cục THADS H.Định Quán;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Trang